

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

**QUÍ 4 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,757,051,139,271</b>	<b>2,847,043,514,890</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>164,637,802,159</b>	<b>296,092,552,290</b>
1. Tiền	111		164,637,802,159	296,092,552,290
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>169,275,191,322</b>	<b>251,008,141</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	169,275,191,322	251,008,141
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,151,700,721,219</b>	<b>1,187,504,442,185</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	945,404,120,930	978,387,095,828
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	190,555,501,381	175,563,286,944
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	18,729,948,099	35,699,767,539
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,988,849,191)	(2,145,708,126)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1,215,396,244,170</b>	<b>1,299,754,002,665</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,325,613,503,386	1,363,740,839,384
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(110,217,259,216)	(63,986,836,719)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56,041,180,401</b>	<b>63,441,509,609</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	20,597,452,835	4,441,250,870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		33,704,714,949	58,034,411,228
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,739,012,617	965,847,511
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,696,894,769,692</b>	<b>1,509,919,445,197</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1,167,461,625</b>	<b>3,512,575,108</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	-	2,309,113,483
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1,167,461,625	1,203,461,625
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,240,398,325,390</b>	<b>1,051,686,134,111</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1,129,503,792,065	942,551,326,564
- Nguyên giá	222		1,922,065,284,541	1,606,171,767,565
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(792,561,492,476)	(663,620,441,001)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	110,894,533,325	109,134,807,547
- Nguyên giá	228		125,444,253,681	121,192,243,381
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14,549,720,356)	(12,057,435,834)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>259,742,896,634</b>	<b>261,217,088,605</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	259,742,896,634	261,217,088,605
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>17,275,069,978</b>	<b>12,644,137,246</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	17,275,069,978	19,547,729,978
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	-	(6,903,592,732)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>178,311,016,065</b>	<b>180,859,510,127</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	99,962,628,170	99,291,291,228
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	6,703,121,609	475,225,190
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	71,645,266,286	81,092,993,709
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4,453,945,908,963</b>	<b>4,356,962,960,087</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,065,508,191,331</b>	<b>2,267,633,647,956</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,523,186,305,228</b>	<b>1,818,696,711,591</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	266,629,815,037	198,967,217,140
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		19,193,492,651	12,753,882,180
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	115,391,324,007	36,880,926,693
4. Phải trả người lao động	314	V.17	118,038,863,228	102,021,990,107
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	22,224,813,476	8,787,501,328
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	35,394,509,295	30,245,351,461
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	863,657,118,686	1,333,672,541,156
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	33,566,154,322	43,100,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	49,090,214,526	52,267,301,526
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>542,321,886,103</b>	<b>448,936,936,365</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	520,215,877,241	438,485,251,553
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	14,835,063,862	10,451,684,812
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		7,270,945,000	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,388,437,717,632</b>	<b>2,089,329,312,131</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2,388,437,717,632</b>	<b>2,089,329,312,131</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924,039,430,000	924,039,430,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	216,409,744,645	216,409,744,645
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(3,015,672,745)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(285,558,958)	97,965,256
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.24	1,240,280,240,918	936,410,386,828
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		685,655,679,328	613,852,104,651
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		554,624,561,590	322,558,282,177
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.25	11,009,533,772	12,371,785,402
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4,453,945,908,963</b>	<b>4,356,962,960,087</b>

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2017



Trương Thị Lệ Khanh

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế Toán Trưởng/Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
QUÍ 4 NĂM 2016**

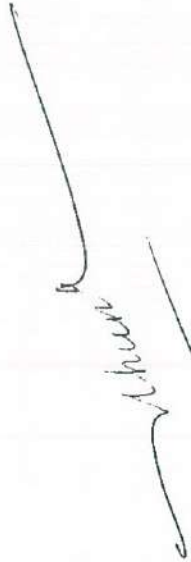
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÍ 4		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÍ 4/2016	QUÍ 4/2015	NĂM 2016	NĂM 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,756,895,888,217	1,861,596,030,199	7,369,981,598,268	6,527,521,103,629
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13,693,135,250	25,444,548,875	66,435,398,702	34,130,902,143
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,743,202,752,967	1,836,151,481,324	7,303,546,199,566	6,493,390,201,486
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,531,893,737,066	1,631,545,543,911	6,232,651,915,948	5,690,815,542,792
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		211,309,015,901	204,605,937,413	1,070,894,283,618	802,574,658,694
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	39,755,657,549	22,433,987,904	86,739,132,278	166,250,211,441
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	17,944,380,810	45,907,301,449	92,575,246,977	210,038,171,081
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14,231,978,125	18,004,348,090	68,149,967,741	36,841,457,042
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	61,723,487,286	73,698,441,895	266,377,952,906	252,576,318,983
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	37,720,090,035	27,496,853,673	119,730,652,663	117,543,470,973
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		133,676,715,319	79,937,328,300	678,949,563,350	388,666,909,098
12. Thu nhập khác	31	VI.8	12,178,591,511	1,477,977,582	21,026,974,054	4,260,707,290
13. Chi phí khác	32	VI.9	14,801,936,122	1,659,365,326	29,332,408,840	6,259,262,457

14.	Lợi nhuận khác	(2,623,344,611)	(181,387,744)	(8,305,434,786)	(1,998,555,167)
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	131,053,370,708	79,755,940,556	670,644,128,564	386,668,353,931
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22,992,284,076	8,687,413,313	114,847,439,925	59,566,183,722
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	10,788,858,155	378,469,421	2,534,378,679	6,269,483,940
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	97,272,228,477	70,690,057,822	553,262,309,960	320,832,686,269
19.	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	97,299,987,699	70,561,566,019	554,624,561,590	322,558,282,177
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(27,759,222)	128,491,803	(1,362,251,630)	(1,725,595,908)
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,000	547	5,791	3,274
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1,000	547	5,791	3,274

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2017.

  
  
**Trưởng Thị Lệ Khanh**  
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

  
**Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung**  
 Kế toán trưởng/Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
**QUÝ 4 NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		670,644,128,564	386,668,353,931
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V.11, V.12	146,840,220,123	144,362,412,419
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7, V.8	37,063,929,087	16,495,622,411
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4, VI.5	(6,853,558,105)	4,488,372,158
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.9	(36,749,413,059)	(50,893,736,983)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	68,149,967,741	36,841,457,042
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		879,095,274,351	537,962,480,978
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		390,880,919,789	(74,601,809,419)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		38,127,335,998	(213,579,935,197)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(108,426,374,390)	44,605,675,314
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(16,827,538,907)	15,738,969,058
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(66,525,732,633)	(42,641,806,967)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(32,635,949,148)	(39,429,345,543)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(23,178,287,000)	(82,520,437,379)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1,060,509,648,060</b>	<b>145,533,790,845</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12	(398,454,490,038)	(348,179,604,430)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7, VI.8	366,268,680	12,993,604,862
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V. 2a	(980,115,644,150)	(180,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V. 2a	815,460,484,254	982,200,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(512,830,000)	(47,807,121,404)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		28,960,000,000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.4	(36,561,087,268)	61,263,924,934
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(570,857,298,522)</b>	<b>480,470,803,962</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016  
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(3,015,672,745)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	4,754,993,959,671	8,772,902,300,085
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(5,149,278,756,450)	(9,099,996,672,137)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(230,660,188,250)	(92,371,404,075)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(627,960,657,774)</b>	<b>(419,465,776,127)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(138,308,308,236)</b>	<b>206,538,818,680</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>296,092,552,290</b>	<b>89,237,664,563</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6,853,558,105	316,069,047
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>164,637,802,159</b>	<b>296,092,552,290</b>

*Thư*

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
 Kế Toán Trưởng/Người lập

Đồng lập, ngày 19 tháng 01 năm 2017

Trương Thị Lệ Khanh  
 Chủ tịch Hội Đồng Quản trị



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục: bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

**TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	924,039,430,000	216,409,744,645	-	4,596,414,898	724,868,688,147	16,843,744,960	1,886,758,022,650
Vốn tăng trong năm	-	-	-	-	322,558,282,177	(1,725,595,908)	320,832,686,269
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	(92,403,943,000)	-	(92,403,943,000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20,012,814,000)	-	(20,012,814,000)
TRích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4,596,414,898)	2,036,421,257	-	(2,559,993,641)
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	97,965,256	(636,247,753)	(2,746,363,650)	(2,648,398,394)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>924,039,430,000</b>	<b>216,409,744,645</b>	<b>-</b>	<b>97,965,256</b>	<b>936,410,386,828</b>	<b>12,371,785,402</b>	<b>2,089,329,312,131</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(3,015,672,745)	-	554,624,561,590	(1,362,251,630)	(3,015,672,745)
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	-	(230,754,707,500)	-	553,262,309,960
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20,000,000,000)	-	(230,754,707,500)
TRích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(383,524,214)	-	-	(20,000,000,000)
Khác	-	-	-	(285,558,958)	-	-	(383,524,214)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>924,039,430,000</b>	<b>216,409,744,645</b>	<b>(3,015,672,745)</b>	<b>(661,087,918)</b>	<b>1,240,280,240,918</b>	<b>11,009,533,772</b>	<b>2,388,437,717,632</b>

*(Signature)*

**Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung**  
Kế toán trưởng/Người lập

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**  
\* TP. CAO LÃNH \*

*(Signature)*  
**Trương Thị Lệ Khanh**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản trị

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 4 năm 2016

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

#### 4. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 4a. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích (%)		Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3	99,3	99,3	99,3
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100	100	100	100
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	90	85	90	85
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100	100	100	100
Octogone Holdings Pte Ltd	No.3 Raffles Place#06-01 Bharat Building, Singapore 048617	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100	100	100	100
Octogone (Guangzhou) Trading Co., Limited	No.537 Northern Panyu Boulevard, Guangzhou City, Guangdong Province P.R. China	Kinh doanh mặt hàng thủy sản và thực phẩm chức năng	100	100	100	100

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang giải thể 30 tháng 11 năm 2016.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi Tập đoàn thoái một phần vốn tại công ty con:

- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn vẫn giữ quyền kiểm soát: kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết: khoản đầu tư còn lại được trình bày ở khoản mục "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Nếu sau khi thoái vốn Tập đoàn mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **3. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con lập bằng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ như sau:

- Tài sản và lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá mua – bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá mua – bán bình quân của ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị tài sản thuần của công ty con do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức.
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Nếu tỷ giá bình quân kỳ báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 2%) thì áp dụng tỷ giá bình quân. Nếu biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc:

- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Công ty mẹ được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày tại khoản mục "Lợi ích cổ đông không kiểm soát".

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh liên quan đến việc quy đổi khoản lợi thế thương mại chưa phân bổ hết tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính toàn bộ cho Công ty mẹ và được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:
- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
  - Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

#### ***Chi phí thành lập***

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con chính thức đi vào hoạt động.

#### ***Chi phí trước hoạt động***

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi Công ty con chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm kể từ khi Công ty con bắt đầu đi vào hoạt động.

#### ***Công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi***

Các công cụ, dụng cụ và chi phí khác tại vùng nuôi đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### ***Chi phí đào ao, xây dựng cồn***

Chi phí đào ao, xây dựng cồn là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để xây dựng hệ thống cồn và ao nuôi trồng thủy sản. Chi phí đào ao, xây dựng cồn được phân bổ từ 02 năm đến 09 năm.

#### ***Chi phí gia cố ao nuôi***

Chi phí gia cố ao nuôi là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra để gia cố các công trình ao hồ nuôi trồng thủy sản. Chi phí san lấp mặt bằng được phân bổ từ 02 năm đến 03 năm.

#### ***Chi phí đền bù để được thuê đất***

Chi phí được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm (theo thời gian thuê đất).

#### ***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

### **9. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm, Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn gồm dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn.

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **14. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### **15. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **17. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

## **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	409.849.404	2.284.062.571
Tiền gửi ngân hàng	164.227.952.755	293.808.489.719
<b>Cộng</b>	<b>164.637.802.159</b>	<b>296.092.552.290</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(i)</sup>	1.297.729.978	-	1.297.729.978	-
Công ty cổ phần thủy sản Cửu Long <sup>(ii)</sup>	15.977.340.000	-	18.250.000.000 (6.903.592.732)	
<b>Cộng</b>	<b>17.275.069.978</b>	<b>-</b>	<b>19.547.729.978 (6.903.592.732)</b>	

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>91.829.573</b>	<b>631.302.336</b>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	91.829.573	631.302.336
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>945.312.291.357</b>	<b>977.755.793.492</b>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	683.767.352.006	813.282.054.485
Các khách hàng khác	261.544.939.351	164.473.739.007
<b>Cộng</b>	<b>945.404.120.930</b>	<b>978.387.095.828</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 198.625.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b>54.900.548.810</b>	<b>34.105.336.310</b>
Cá nhân có liên quan	54.900.548.810	34.105.336.310
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>135.654.952.571</b>	<b>141.457.950.634</b>
Ông Trần Văn Xuồng	-	14.528.132.200
Ông Trần Văn Khuôi	22.889.678.200	-
Ông Lâm Quang Thanh	19.934.925.000	5.692.569.800
Công Ty TNHH Nutrawell (USA)	22.211.776.920	-
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	26.174.510.000
Công ty TNHH thiết bị lạnh và cách nhiệt TST	-	21.656.811.691
Các nhà cung cấp khác	70.618.572.451	73.405.926.943
<b>Cộng</b>	<b><u>190.555.501.381</u></b>	<b><u>175.563.286.944</u></b>

**5. Phải thu về cho vay dài hạn**

Khoản cho vay cá nhân, thời hạn vay là 30 tháng.

**6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.218.734.267</b>	-	<b>532.702.902</b>	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu			-	-
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	1.218.734.267	-	532.702.902	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>17.511.213.832</b>	-	<b>35.167.064.637</b>	-
Tạm ứng <sup>(*)</sup>	5.582.863.743	-	27.247.285.570	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	5.502.611.112	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.425.738.977	-	7.919.779.067	-
<b>Cộng</b>	<b><u>18.729.948.099</u></b>	-	<b><u>35.699.767.539</u></b>	-

**6b. Phải thu dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**7. Nợ xấu**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	2.145.708.126
Trích lập dự phòng bổ sung	843.141.065

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.988.849.191</u></b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	93.034.263.924		74.564.312.624	-
Công cụ, dụng cụ	8.999.223.571		8.154.634.679	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	539.031.438.737		795.921.774.926	-
Thành phẩm	681.705.815.097	(110.217.259.216)	476.134.366.927	(63.986.836.719)
Hàng hóa	2.842.762.057		964.785.087	-
Hàng gửi đi bán			8.000.965.141	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.325.613.503.386</u></b>	<b><u>(110.217.259.216)</u></b>	<b><u>1.363.740.839.384</u></b>	<b><u>(63.986.836.719)</u></b>

Một số hàng hóa trong kho có giá trị ghi sổ là 198.625.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số đầu năm	63.986.836.719	55.038.519.478
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	46.230.422.497	8.948.317.241
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>110.217.259.216</u></b>	<b><u>63.986.836.719</u></b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ.

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	44.216.827.505	37.148.030.647
Tiền thuê đất	3.904.599.462	5.018.299.213
Chi phí đền bù để được thuê đất	18.826.543.725	19.217.406.300
Chi phí thành lập, trước hoạt động	2.350.907.533	3.545.763.848
Chi phí đào ao, xây dựng cồn	-	22.391.312.738
Các chi phí trả trước dài hạn khác	30.663.749.945	11.970.478.482
<b>Cộng</b>	<b><u>99.962.628.170</u></b>	<b><u>99.291.291.228</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	620,586,670,871	902,749,409,018	55,905,137,675	7,073,642,842	19,856,907,159	1,606,171,767,565
Mua trong năm	17,470,658,430	179,544,605,269	5,564,755,444	3,513,003,727	12,500,394,747	218,593,417,617
Xây dựng cơ bản mới hoàn thành	42,613,667,910	69,972,956,800	305,000,000	366,815,343	-	113,258,440,053
Tăng tài sản khác						



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(6,601,482,310)	(4,290,033,015)	(3,123,125,369)	-	(1,943,700,000)	(15,958,340,694)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>674,069,514,901</b>	<b>1,147,976,938,072</b>	<b>58,651,767,750</b>	<b>10,953,461,912</b>	<b>30,413,601,906</b>	<b>1,922,065,284,541</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	200,536,384,736	429,487,219,843	17,903,679,140	3,958,604,557	11,734,552,725	663,620,441,001
Khấu hao trong năm	52,516,396,170	70,675,142,359	7,873,144,764	1,395,143,535	2,440,381,350	134,900,208,178
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(760,521,847)	(2,088,090,643)	(2,523,384,432)	-	(587,159,781)	(5,959,156,703)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31.12.2016</b>	<b>252,292,259,059</b>	<b>498,074,271,559</b>	<b>23,253,439,472</b>	<b>5,353,748,092</b>	<b>13,587,774,294</b>	<b>792,561,492,476</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	420,050,286,135	473,262,189,175	38,001,458,535	3,115,038,285	8,122,354,434	942,551,326,564
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	421,777,255,842	649,902,666,513	35,398,328,278	5,599,713,820	16,825,827,612	1,129,503,792,065

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 431.918.836.373 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay các Ngân hàng.

### 11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	120,217,201,611	975,041,770	121,192,243,381
Mua trong năm	4,063,165,000	188,845,300	4,252,010,300
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>124,280,366,611</b>	<b>1,163,887,070</b>	<b>125,444,253,681</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	11,316,859,648	740,576,186	12,057,435,834
Khấu hao trong năm	2,265,143,096	227,141,426	2,492,284,522
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>13,582,002,744</u>	<u>967,717,612</u>	<u>14,549,720,356</u>
-------------------------------	-----------------------	--------------------	-----------------------

### Giá trị còn lại

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	108,900,341,963	234,465,584	109,134,807,547
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	110,698,363,867	196,169,458	110,894,533,325

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 55.042.657.080 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	115.359.385.644	193.522.754.569
Xây dựng cơ bản dở dang khác	144.383.510.990	67.694.334.036
Cộng	<u>259.742.896.634</u>	<u>261.217.088.605</u>

## 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

### 13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (lãi nội bộ). Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	475.225.190	4.050.170.875
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	6.227.896.419	(3.574.945.685)
Số cuối năm	<u>6.703.121.609</u>	<u>475.225.190</u>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 15%.

## 14. Lợi thế thương mại

	Nguyên giá	Số đã phân bổ	Giá trị còn lại
Số đầu năm	94.477.274.225	13.384.280.516	81.092.993.709
Phân bổ trong năm		9.447.727.423	
Số cuối năm	<u>94.477.274.225</u>	<u>22.832.007.939</u>	<u>71.645.266.286</u>

## 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
Cá nhân có liên quan	-	198.967.217.140
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Ông Trần Minh Triết	7.849.784.220	38.386.331.070
Ông Nguyễn Hoàng Vũ	26.885.567.050	14.380.004.380

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp khác	231.894.463.767	146.200.881.690
<b>Cộng</b>	<b><u>266.629.815.037</u></b>	<b><u>198.967.217.140</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	50.813.006	-
Thuế xuất, nhập khẩu	3.844.775	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	114.503.112.779	32.291.805.081
Thuế thu nhập cá nhân	833.121.447	4.589.121.612
Các loại thuế khác	432.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>115.391.324.007</u></b>	<b><u>36.880.926.693</u></b>

Tình hình biến động thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân phải nộp ngân sách nhà nước trong kỳ như sau :

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.291.805.081	114.846.679.846	(32.635.949.148)	114.503.112.779
Thuế thu nhập cá nhân	4.589.121.612	17.310.060.500	(21.065.483.665)	833.698.447

**17. Phải trả người lao động**

Tiền lương phải trả người lao động.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	1.624.235.108	994.438.859
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	20.600.578.368	7.793.062.469
<b>Cộng</b>	<b><u>22.224.813.476</u></b>	<b><u>8.787.501.328</u></b>

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>2.133.557.639</i>	<i>4.460.986.800</i>
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	2.133.557.639	4.460.986.800
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>33.260.951.656</i>	<i>25.784.364.661</i>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	180.012.000	85.492.750
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	33.080.939.656	25.698.871.911
<b>Cộng</b>	<b><u>35.394.509.295</u></b>	<b><u>30.245.351.461</u></b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

#### 20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	857.657.118.683	1.329.672.541.156
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(i)</sup>	408.574.739.171	5.100.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	208.563.316.238	525.373.392.031
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>	197.969.063.274	749.165.778.170
Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp	-	28.083.370.955
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	42.550.000.000	21.950.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	6.000.000.000	4.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>863.657.118.686</b>	<b>1.333.672.541.156</b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định và quyền sử dụng đất tại phân xưởng bột, mỡ cá (xem thuyết minh V.10 và V.11).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1, phân xưởng 2 và phân xưởng 3 (xem thuyết minh V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.8).
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.329.672.541.156	4.667.263.333.980	(5.145.278.756.450)	857.657.118.686
Vay dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	6.000.000.000	(4.000.000.000)	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.333.672.541.156</b>	<b>4.673.263.333.980</b>	<b>5.149.278.756.450</b>	<b>863.657.118.686</b>

#### 20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đề:

- Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư máy móc thiết bị thuộc dự án mở rộng xưởng chế biến bột cá, mỡ cá. Lãi suất cho vay trong hai năm đầu kể từ ngày giải ngân bằng trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ, thời gian còn lại bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi cuối kỳ do bên cho vay công bố + biên độ cố định 02%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay nói trên. Thời hạn vay là 84 tháng, thời gian ân hạn 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản là máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay và vốn tự có của dự án.
- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2. Lãi suất cho vay theo lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng loại trả sau do bên cho vay công bố + biên độ cố định 3,6%/năm nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay áp dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn do bên cho vay công bố từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư Nhà máy chế biến gạo xuất khẩu Vĩnh Hoàn 2.
- Thanh toán hoặc bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp liên quan Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + margin, nhưng không cao hơn trần lãi suất cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp theo qui định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 13/2014/TT-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2014 do bên cho vay công bố trong từng thời kỳ. Thời hạn vay là 120 tháng, thời gian ân hạn 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư Nhà máy sản xuất collagen, gelatin từ da cá tra.
- Đầu tư xây dựng Nhà máy thủy sản Vạn đức Tiền Giang – giai đoạn 2 với lãi suất trong 2 năm đầu là 06%/năm, thời hạn vay 120 tháng, thời gian ân hạn nợ gốc là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Nợ gốc được trả làm 34 kỳ theo lịch trả nợ (lịch trả nợ được ký vào ngày kết thúc thời gian ân hạn hoặc ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất đặt tại dự án.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	438.485.251.553	63.546.765.919
Số tiền vay phát sinh	87.730.625.688	380.285.251.553
Số tiền vay đã trả	-	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(6.000.000.000)	(5.346.765.919)
Số cuối năm	<u>520.215.877.241</u>	<u>438.485.251.553</u>

### 20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	52.267.301.526	20.000.000.000	-	(23.178.287.000)	49.089.014.526
Quỹ phúc lợi	-	-	1.200.000	-	1.200.000
<b>Cộng</b>	<b>52.267.301.526</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>1.200.000</b>	<b>(23.178.287.000)</b>	<b>49.090.214.526</b>

**23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	10.451.684.812	7.757.146.557
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	4.383.379.050	2.694.538.255
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.835.063.862</b>	<b>10.451.684.812</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 15% (năm trước thuế suất là 22%).

**24. Vốn chủ sở hữu****24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**24b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	102.060	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.301.883	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**25. Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	12.371.785.402	16.843.744.960
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(1.362.251.630)	(1.725.595.908)
Giảm do mua lại vốn cổ đông không kiểm soát	-	(2.746.363.650)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.009.533.772</b>	<b>12.371.785.402</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**  
*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	6.429.062,00	12.814.557,33
Euro (EUR)	304,00	6.750,13
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	518.870,00	184.080,02
Yên Nhật (JPY)	33.435,00	32.887,00
Dollar Singapore (SGD)	126.350,00	2.813,00

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Lũy Kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	415.937.933.934	251.507.250.406
Doanh thu bán thành phẩm	5.885.332.030.530	5.285.034.679.557
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.803.378.062	1.663.808.458
Doanh thu bán nguyên vật liệu	21.287.912.495	54.498.426.502
Doanh thu bán phụ phẩm	1.043.620.343.247	934.816.938.706
<b>Cộng</b>	<b><u>7.369.981.598.268</u></b>	<b><u>6.527.521.103.629</u></b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Tập đoàn chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức với số tiền : 1.010.922.323 VND.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	20.821.424.512	16.297.639.677
Giảm giá hàng bán	45.613.974.190	17.833.262.466
<b>Cộng</b>	<b><u>66.435.398.702</u></b>	<b><u>34.130.902.143</u></b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	384.759.604.726	223.593.381.403
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.825.490.784.014	4.448.675.132.554
Giá vốn của nguyên vật liệu	22.161.138.720	56.971.297.572
Giá vốn của phế phẩm	964.009.965.991	952.627.414.022
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36.230.422.497	8.948.317.241
<b>Cộng</b>	<b><u>6.232.651.915.948</u></b>	<b><u>5.690.815.542.792</u></b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	27.987.984.447	44.034.410.751

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền cho vay		54.663.270
Lãi ứng trước tiền mua nguyên liệu, bán hàng trả chậm	7.987.243.704	7.078.813.830
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	42.852.628.733	114.539.745.194
Lãi CLTG chưa thực hiện	7.325.416.277	542.578.396
Doanh thu hoạt động tài chính khác	585.859.117	-
<b>Cộng</b>	<b><u>86.739.132.278</u></b>	<b><u>166.250.211.441</u></b>
<b>5. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	68.149.967.741	36.841.457.042
Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	30.391.852.185	160.561.232.714
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(6.903.592.732)	6.903.592.732
Chi phí khác	465.161.611	700.938.039
Lỗ thoái vốn tại công ty con	471.858.172	5.030.950.554
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.575.246.977	210.038.171.081
<b>Cộng</b>	<b><u>92.575.246.977</u></b>	<b><u>210.038.171.081</u></b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	18.308.705.891	14.236.883.348
Chi phí dụng cụ, đồ dùng, vật liệu, bao bì	515.302.720	1.021.451.721
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.559.373.654	150.484.006
Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.819.997.825	137.497.332.073
Các chi phí khác	89.174.572.816	99.670.167.835
<b>Cộng</b>	<b><u>266.377.952.906</u></b>	<b><u>252.576.318.983</u></b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	45.690.742.942	41.750.457.641
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.538.813.133	8.237.987.600
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.821.513.947	34.128.132.527
Thuế, phí và lệ phí	158.778.086	780.881.181
Các chi phí khác	37.520.804.555	32.646.012.024
<b>Cộng</b>	<b><u>119.730.652.663</u></b>	<b><u>117.543.470.973</u></b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.250.258.587	618.151.477
Các khoản nợ không phải trả	4.242.239.426	309.529.535
Thu nhập khác	13.534.476.041	3.333.026.278
<b>Cộng</b>	<b><u>21.026.974.054</u></b>	<b><u>4.260.707.290</u></b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại nhượng bán tài sản cố định	2.883.989.907	
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.930.121.380	
Chi phí khác	14.518.297.553	6.259.262.457
<b>Cộng</b>	<b>29.332.408.840</b>	<b>6.259.262.457</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy Kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	554.624.561.590
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	554.624.561.590
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	92.318.614
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>5.791</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

#### Hội đồng quản trị

Mua tài sản

Lũy Kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

46.446.255.000

#### Cá nhân có liên quan

Bán hàng hóa

Mua tài sản

Mua nguyên liệu

Lũy Kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

32.636.033.000

4.500.000.000

54.554.957.660

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2016

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.6*

### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Tập đoàn chỉ có Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức là công ty do người có liên quan với Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty tham gia góp vốn.

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

**Lũy Kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

Nhận ủy thác

29.861.699.261

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6, V.15 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

Đồng Tháp, ngày 19 tháng 01 năm 2017



*Phạm Thanh*  
\_\_\_\_\_  
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng /Người lập biểu

*Trương Thị Lệ Khanh*  
\_\_\_\_\_  
Trương Thị Lệ Khanh  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị